Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân- gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN- TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Trần Thị Minh Yến.

2-Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân-thư ký TAND huyện Duy Xuyên.

***-Đại diện VKSND huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nga- kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2018, tại trụ sở TAND huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2018 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1995, địa chỉ thôn C, xã D, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2-Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1992, địa chỉ thôn T xã D, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã D năm 2015. Từ năm 2016 đến nay, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu say, chửi bới, đánh đập chị L. Chị L thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nêu yêu cầu được ly hôn anh T.

Anh chị có một con chung là Lê Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2016, chị L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ.

Anh chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung.

Ý kiến của bị đơn:

Anh Lê T thống nhất với ý kiến của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Từ năm 2016, do anh T đi làm xa nhà nên giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn; chị L đã về sống với cha mẹ đẻ nên vợ chồng không còn sống chung. Anh T thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và thống nhất ly hôn.

Anh chị có một con chung như ý kiến của chị L. Anh T đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng.

Anh chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung.

Ý kiến của kiểm sát viên: TAND huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Chị L chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa là thiếu tôn trọng Tòa án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L và anh T ly hôn; giao cháu Lê Nguyễn Như N cho chị L nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm:

-Bản chính giấy đăng ký kết hôn.

-Bản sao giấy khai sinh của cháu N.

-Các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết sự kiện các bên thống nhất:

-Thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn của vợ chồng.

-Số con chung của vợ chồng và việc nuôi dưỡng con.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về hôn nhân:

Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê T tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký tại UBND xã D nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận

trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẩn và hiện tại vợ chồng không còn sống chung và cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của anh chị, nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng là do anh T thường xuyên uống rượu say, chửi bới, hăm dọa chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẩn do anh T thường uống rượu và đã có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L; do vậy anh T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn anh T.

2.Về nuôi con chung:

Chị L và anh T có một con chung là Lê Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2016. Anh chị thống nhất giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, nên cần giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng và cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp.

3-Về tài sản chung: Do anh chị không không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Lê T.

2-Về nuôi con chung:

-Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Nguyễn Như N, sinh ngày 10/8/2016.

-Chị Nguyễn Thị Thùy L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh Lê T trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Nguyễn Như N.

-Anh Lê T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Như N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3-Về nghĩa vụ thi hành án:

-Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4-Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 7351 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Anh Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

5-**Về quyền kháng cáo**: Chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2018). Anh Lê T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh QNam
-VKSND huyện Duy Xuyên
-Chi cục THADS Duy Xuyên
-UBND xã Duy Trinh, Duy Phước
-Những người tham gia tố tụng
-Lưu HS, VP

Nguyễn Công Min